

Bản án số: 11/2018/HSST
Ngày: 08-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Kim Ngân (Đoàn Thanh niên)

Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN THẾ B, sinh ngày: 20/10/1989 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- ***Bị hại:*** Tạ Tâm A, sinh ngày: 05/01/2001;

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Đặng Thị Ngọc L, sinh năm: 1972;

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Nguyễn Văn B, sinh năm: 1956;

Nơi cư trú: ấp M, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước, vào khoảng 07 giờ ngày 30/11/2016, tại khu vực trước cổng công ty SHOWA ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thế B mượn xe đạp điện hiệu Asama màu trắng, số khung 150606330, số mô tơ 1507002572 của Tạ Tâm A để đi chơi với bạn gái là Lưu Kim T nhưng T không đi nên B chạy xe đạp điện về nhà của B ở ấp H, xã A, huyện C lấy quần Jean trả cho người bạn tên L rồi tiếp tục điều khiển xe đạp điện xuống thành phố B. Khi đến gần khu vực vòng xoay Tân Thành thì B nhận được điện thoại của người bạn tên Linh (không rõ địa chỉ) thông báo cho B biết công ty cá TH, địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh TG chịu nhận B vào làm việc nhưng không bao ăn ở. Nghe vậy, B nảy sinh ý định đem xe đạp điện mượn được của Tâm A đi bán để lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, B điều khiển xe đạp điện đến tiệm mua bán xe gần trường Cao đẳng Bến Tre ở ấp M, xã S, thành phố B bán cho ông Nguyễn Văn B được 2.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Riêng ông B, sau khi mua xe đạp điện đã bán lại cho người khác, hiện tài sản không thu hồi được.

Theo Bản kết luận định giá trị tài sản số 34/KL-HĐĐG ngày 11/01/2017 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre kết luận 01 xe đạp điện hiệu Asama màu trắng, số khung 150606330, số mô tơ 1507002572 trị giá ngày 30/11/2016 là 6.900.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 10/KSĐT-KT ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thế B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thế B từ 6 đến 9 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Tạ Tâm A 6.900.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Bị cáo Nguyễn Thế B có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 07 giờ ngày 30/11/2016, tại khu vực trước cổng công ty SHOWA ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, B đã mượn xe đạp điện hiệu Asama màu trắng của Tạ Tâm A để đi chơi với bạn gái nhưng bạn gái của bị cáo không đi. Trên đoạn đường bị cáo điều khiển xe đạp điện của Tâm A từ nhà lên thành phố Bến Tre, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đạp điện của Tâm A bán lấy tiền tiêu xài nên chạy xe đạp điện của Tâm A bán cho ông Nguyễn Văn B ở xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre được 2.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Hiện tại bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại trình bày: Ngày 30/11/2017, bị cáo hỏi mượn xe đạp điện của Tạ Tâm A để đi công việc. Sau khi mượn, bị cáo B không trả mà mang đi bán cho người khác, hiện bị cáo chưa bồi thường. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại 6.900.000 đồng theo giá trị do Hội đồng định giá xác định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thế B có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 07 giờ ngày 30/11/2016, tại khu vực trước cổng công ty SHOWA ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, B đã mượn xe đạp điện hiệu Asama màu trắng của Tạ Tâm A để đi chơi với bạn gái nhưng bạn gái của bị cáo không đi. Trên đoạn đường bị cáo điều khiển xe đạp điện của Tâm A từ nhà lên thành phố Bến Tre, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đạp điện của Tâm A bán lấy tiền tiêu xài nên chạy xe đạp điện của Tâm A bán cho ông Nguyễn Văn B ở xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre được 2.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại tại tòa. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá xác định giá trị là 6.900.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều thống nhất giá trị đó, phù hợp quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo có đầy đủ năng lực, nhận thức biết rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo B phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Trong vụ án bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một mình với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sự quen biết bị hại, lòng tin của bị hại, bị cáo dễ dàng mượn tài sản sau đó mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án (dù đã được xóa án tích). Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn, bị cáo có ra đầu thú sau khi bị cơ quan chức năng phát hiện, gia đình có người thân tham gia cách mạng được công nhận liệt sỹ được quy định tại điểm p, g khoản 1, khoản 2

Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Tạ Tâm A yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được theo kết quả định giá tài sản là 6.900.000 đồng, xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Văn B khi mua xe đạp điện do bị cáo B bán không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh điều luật truy tố và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo B về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, cáo trạng cũng như phát biểu của Kiểm sát viên bị cáo phạm tội theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 là không đúng quy định. Lý do, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì hành Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/01/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (chưa sửa đổi bổ sung) đã bỏ tình tiết ngày vay, mượn tài sản “bỏ trốn”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị cáo B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 với tình tiết “đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thế B phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế B 6 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 357; 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thế B bồi thường cho bị hại Tạ Tâm A 6.900.000 (sáu triệu, chín trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Áp dụng Điều 23, 26, 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thế B phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thế B phải nộp là 345.000 (Ba trăm, bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã A, huyện C (1b);
- Bị cáo và NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình